



UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

BẢNG SỐ 02: CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 456 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

TT	ĐƠN VỊ	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	CẢI CÁCH THỰC HÀNH CHÍNH	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	ĐIỂM THƯỜNG	ĐIỂM TRỪ	Tổng điểm	Xếp hạng năm 2019
ĐIỂM TỐI ĐA		11,5	6	4,5	4	11,5	6	11	8,5	35	5	-5	100	
1	UBND huyện Long Điền	10,157	6	4,5	6	11	5,5	9,88	7,54	27,915	0	-2	86,492	1
2	UBND huyện Châu Đức	10,727	6	4,5	6	10,5	5,5	9,143	7,497	27,041	0,5	-2	85,408	2
3	UBND thành phố Vũng Tàu	9	6	4	6	10	6	8,841	6,443	27,992	0,5	-2	82,776	3
4	UBND thị xã Phú Mỹ	9,5	6	4,5	6	11	6	9,346	7,414	25,142	0,5	-3	82,402	4
5	UBND huyện Đất Đỏ	9,202	5,5	4	6	11,5	5,5	9,54	7,493	25,647	0	-2	82,382	5
6	UBND huyện Xuyên Mộc	8,991	6	3,5	6	10,5	6	9,334	5,483	27,673	0	-3	80,481	6
7	UBND huyện Côn Đảo	9,2	4,5	3,5	6	10,5	5,5	8,802	7,491	25,820	0,5	-2	79,813	7
8	UBND thành phố Bà Rịa	9,035	6	2	5	10,5	6	9,494	5,464	25,042	1	-2	77,535	8